

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 3 - 2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hợp

2. Ông Nguyễn Văn Mười

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2020/TLST - HNGĐ, ngày 26/10/2020 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST - HNGĐ ngày 22/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Bùi Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm, xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lương Tiên T, sinh năm 1981 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Tôi kết hôn với anh T năm 2007 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh T làm dâu không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, đến tháng 8/2020 tôi đi ở trọ và không về nhà, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung:

1. Lương Bảo Ngọc A, sinh ngày 25/10/2009

2. Lương Hải Y, sinh ngày 01/12/2012

Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh T và bố mẹ đẻ anh T, do tôi chưa giải quyết vụ án xong nên mẹ chồng tôi không cho con đi theo.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được nuôi 01 con Lương Bảo Ngọc A, sinh ngày 25/10/2009, đề nghị giao con chung Lương Hải Y, sinh ngày 01/12/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay tôi đang làm công nhân, thu nhập khoảng 8 triệu/ 1 tháng đủ đảm bảo cuộc sống cho 01 con chung

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án xem xét do mỗi người đã nuôi 01 con chung.

Về tài sản: Tôi và anh T không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh Lương Tiến T lên để giải quyết, tuy nhiên anh không có mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh T, tại lời khai trình bày: Tôi kết hôn với cô H năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Sau khi kết hôn, cô H về nhà tôi làm dâu, vợ chồng ở tại gia đình nhà bố mẹ đẻ tôi. Cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, vợ chồng tôi chưa sống ly thân, cô H khai vợ chồng sống ly thân là sai vì từ khi tôi nhận được thông báo thụ lý vụ án vào tháng 10/2020 thì cô H đi làm công nhân tại Công ty Sam Sung và ở trọ luôn, cô H có về nhà 02 lần, cô H về một lúc xong lại đi, khi cô H về vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường. Nay cô H làm đơn xin ly hôn tôi xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, tôi và cô H không có gì bất đồng, mâu thuẫn, tôi không biết lý do gì cô H xin ly hôn, tôi đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để tôi có thời gian nói chuyện với cô H, trường hợp cô H kiên quyết ly hôn tôi chấp nhận.

Về con chung: Tôi và cô H có 02 con chung:

1. Lương Bảo Ngọc A, sinh ngày 25/10/2009
2. Lương Hải Y, sinh ngày 01/12/2012

Hiện nay cả hai con chung đang ở với tôi và bố mẹ đẻ tôi, trường hợp cô H kiên quyết ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, tôi không yêu cầu cô H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay tôi đang làm chè, làm ruộng, tôi ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tôi, con tôi đi học tại trường gần UBND xã C, huyện Đại Từ.

Về tài sản: Tôi và cô H không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) mang tên Lương Tiến T và Bùi Thị H; 02 giấy khai sinh của con chung (cùng bản sao) mang tên Lương Bảo Ngọc A và Lương Hải Y; 02 Giấy chứng minh nhân dân (cùng bản sao) mang tên Lương Tiến T và Bùi Thị H; 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Lương Văn T; 01 đơn từ chối hòa giải và từ chối hòa giải viên theo luật hòa giải đối thoại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn và xin được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung cháu Lương Bảo Ngọc A và đề nghị giao con chung Lương Hải Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng,

về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét do mỗi người đã nuôi 01 con chung, về tài sản không có. Anh Lương Tiến T không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án và anh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

+ Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lương Tiến T

+ Về con chung: Giao con chung Lương Bảo Ngọc A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lương Hải Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét.

+ Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung và không vay nợ ai chung.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiền đặt cọc công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Lương Tiến T cư trú tại Xóm , xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Lương Tiến T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bùi Thị H và anh Lương Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật vào năm 2007, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H cho rằng thời gian đầu vợ chồng

chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng do anh T không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con, đến tháng 8/2020 chị làm ở Công ty, đi ở trọ và không về nhà, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía anh T cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, anh chị vẫn chưa sống ly thân, chị H khai vợ chồng sống ly thân là sai vì từ khi anh nhận được thông báo thụ lý vụ án vào tháng 10/2020 thì chị H đi làm công nhân tại Công ty Sam Sung và ở trọ luôn, chị H có về nhà 02 lần, khi chị H về nhà một lúc xong lại đi, khi chị H về nhà vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường, không có mâu thuẫn gì. Nay cô H làm đơn xin ly hôn anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, tôi và chị H không có gì bất đồng, không có gì mâu thuẫn, anh cũng không biết lý do gì chị H xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để anh có thời gian nói chuyện với chị H để vợ chồng quay về đoàn tụ, trường hợp cô H kiên quyết ly hôn tôi chấp nhận. Tuy nhiên anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng Tòa án đã triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, anh đã nhận được thông báo của Tòa án nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, mặc dù Tòa án đã thông báo cho anh T tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật để anh trình bày ý kiến, trình bày phương án hòa giải xin đoàn tụ với chị H, tuy nhiên anh T đều vắng mặt, không tham gia mặc dù anh đã nhận được thông báo họp lệ của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị Hoa là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lương Tiến T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị H và anh T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Lương Bảo Ngọc A, sinh ngày 25/10/2009;
2. Lương Hải Y, sinh ngày 01/12/2012.

Hiện nay cả chị H và anh T cùng xác định 02 con chung đang ở với anh T và bố mẹ đẻ anh T. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung Lương Bảo Ngọc A, sinh ngày 25/10/2009 và đề nghị giao con chung Lương Hải Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghị vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị do mỗi người đã nuôi 01 con chung. Phía anh T có ý kiến trường hợp ly hôn anh xin được quyền trực tiếp nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị xem xét, anh cho rằng 02 con chung hiện nay đang ở cùng với anh, do anh và bố mẹ đẻ anh trực tiếp nuôi

dưỡng, hơn nữa hiện nay 02 con chung đang học tại trường học gần UBND xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên gần gia đình nhà anh.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù hiện nay 02 con chung đang ở với anh T và bố mẹ đẻ anh T, hai con chung cháu Lương Bảo Ngọc A và Lương Hải Y đều có nguyện vọng xin được ở với chị H, tuy nhiên phía chị H hiện nay đang đi làm công nhân, thuê ở trọ chị chưa có tài sản riêng, chưa có nhà riêng, nếu giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của hai con chung, phía anh T hiện nay đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh T, anh chưa có tài sản riêng, chưa có nhà riêng, chưa có công việc ổn định và không có thu nhập cao để đảm bảo tốt chất cho sự phát triển của con chung, anh chỉ làm chè, làm ruộng thu nhập không ổn định. Do vậy xét nguyện vọng của chị H xin được quyền trực tiếp nuôi con chung Lương Bảo Ngọc A và đề nghị giao con chung Lương Hải Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) trừ trường hợp chị H, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị H, anh T không đề nghị gì. Về quyền thăm nom con chung chị H, anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết cả chị H và anh T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung và không nợ ai chung nên HĐXX không không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, cho chị H được ly hôn anh Lương tiến T.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Bảo Ngọc A, sinh ngày 25/10/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao con chung Lương Hải Y, sinh ngày 01/12/2012 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị H, anh T có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không có tài sản chung, không có tài sản cho vay chung và không nợ ai chung.

4. Về án phí. Chị H phải chịu 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013586 ngày 26/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI